

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

**Thư ký phiên họp:** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:** Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-VDS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-VDS ngày 17 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Vũ Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Tân Trường.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Bùi Thị N, sinh ngày 03/7/1975.

+ Ông Triệu Văn C, sinh ngày 06/9/1973.

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết và quá trình giải quyết vụ việc, đại diện UBND xã Tân Trường là người yêu cầu trình bày:

Qua kiểm tra lý lịch, hồ sơ tài liệu được lưu trữ tại UBND xã Tân Trường và theo đề nghị của công dân. UBND xã Tân Trường phát hiện trường hợp ông Triệu Văn C, sinh ngày 06/9/1973 và bà Vũ Thị N (Bùi Thị N), sinh ngày 03/7/1975 có ĐKKH và nơi cư trú: Thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh HD đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương) vào ngày 10 tháng 12 năm 1991 là trái pháp luật.

Cụ thể, căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn cước công dân mang tên Triệu Văn C; Giấy khai sinh mang tên Triệu Văn C; Căn cước công dân mang tên Bùi Thị N; Sổ hộ khẩu gia đình; Xác nhận thông tin về cư trú; Sổ bảo hiểm xã hội và một số giấy tờ tùy thân khác của hai ông bà, xác định bà Bùi Thị N (Vũ Thị N), sinh năm 1975 và ông Triệu Văn C, sinh năm 1973. Thời điểm kết hôn ngày 10/12/1991 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số thứ tự 84 khi đó bà N, ông C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986: "*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*". Cụ thể bà N 16 tuổi, ông C 18 tuổi. Đối với việc trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi họ tên vợ là Vũ Thị N, thực tế là Bùi Thị N, do sơ suất nên cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã viết nhầm họ của bà N.

Khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, do hiểu biết pháp luật hạn chế nên bà N, ông C đã thống nhất tự khai tăng tuổi của ông C từ sinh năm 1973 thành sinh năm 1971; bà N từ sinh năm 1975 thành sinh năm 1973 để đủ tuổi kết hôn, đồng thời việc kiểm tra giấy tờ tùy thân thời điểm đó chưa chặt chẽ, không kỹ lưỡng mà vẫn tin tưởng vào lời khai của bà N, ông C để đăng ký kết hôn, cán bộ chuyên môn phụ trách tư pháp hộ tịch trình Chủ tịch UBND xã ký xác nhận nên UBND xã Tân Trường đã đăng ký kết hôn cho ông bà vào ngày 10/12/1991 và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1973 và ông Triệu Văn C, sinh năm 1971. Như vậy, UBND xã Tân Trường đăng ký kết hôn cho ông bà khi cả hai ông bà đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là trái pháp luật, đã vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật.

Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho ông bà nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng thủ tục hành chính các giấy tờ liên quan không khớp với nhau. Hiện tại ông bà vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn TK, xã TT, huyện

CG, tỉnh HD. Vì vậy, UBND xã Tân Trường đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông C, bà N; đồng thời nếu bà N, ông C có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì cũng đề nghị Tòa án tạo điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông C, bà N trình bày:*

Ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương) vào ngày 10/12/1991. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông bà đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông bà thì cán bộ chuyên môn của UBND xã đã ghi nhầm họ tên của bà N từ "Bùi Thị N" thành "Vũ Thị N". Bà N khẳng định "Vũ Thị N" và "Bùi Thị N" đều là cùng một người. Thời điểm đăng ký kết hôn ông C, sinh năm 1971, bà N, sinh năm 1973 mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Do vậy, khi đến UBND xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn, ông bà thống nhất tự khai tăng tuổi cụ thể ông C từ sinh năm 1973 thành sinh năm 1971; bà N từ sinh năm 1975 thành sinh năm 1973 để đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và cũng vì nguyện vọng mong muốn của gia đình hai bên để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp nên ông bà mới khai báo với cán bộ làm công tác chuyên môn đăng ký kết hôn của UBND xã Tân Trường như vậy. Nay, ông bà xác định việc đăng ký kết hôn như trên là chưa đúng quy định pháp luật. Hiện UBND xã Tân Trường kiểm tra rà soát sổ sách liên quan đến đăng ký kết hôn của ông bà; đồng thời theo đề nghị của ông bà nên đã phát hiện việc kết hôn của ông bà là chưa đủ tuổi và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hủy kết hôn trái pháp luật đối ông bà. Vì vậy, ông bà hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Tuy nhiên kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, ông bà có cuộc sống chung hạnh phúc, không mâu thuẫn gì và đã sinh được 03 con chung là Triệu Thị Nguyệt, sinh ngày 06/01/1993; Triệu Thị Hồng Ngát, sinh ngày 04/02/1998 và Triệu Thị Huế, sinh ngày 24/6/2005. Ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông bà kể từ thời điểm vợ chồng ông bà đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

*Quá trình xác minh tại UBND xã Tân Trường, biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Phong Nhã, biên bản lấy lời khai của ông Bùi Văn Đức cung cấp:*

Thời điểm năm 1991, ông Nguyễn Hữu Béo giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (hiện nay ông Béo đã chết) và cán bộ tư pháp hộ tịch là ông Hoàng Phong Nhã là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho ông C, bà N. Tại sổ sách liên quan đến việc đăng ký kết hôn vào năm 1991 được lưu trữ tại UBND xã thì thấy: Tại quyển số 01, số thứ tự 84 ngày 10/12/1991 thể hiện bà Vũ Thị Nhài, sinh năm 1973 và ông Triệu Văn C, sinh năm 1971 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã. UBND xã Tân Trường xác định: Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân mang tên Triệu Văn C; Giấy khai sinh mang tên Triệu Văn C; Căn cước công dân mang tên Bùi Thị N; Sổ hộ khẩu gia đình; Xác nhận thông tin về cư trú; Sổ bảo hiểm xã hội và một số giấy tờ tùy thân khác của hai ông bà, xác định bà N, sinh năm 1975 và ông C, sinh năm 1973. Tuy nhiên ngày 10/12/1991 bà N, ông C tiến hành đăng ký kết hôn, khi đó bà N, ông C đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986: *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn"*. Khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, bà N, ông C đã thống nhất tự khai tăng tuổi của ông C từ sinh năm 1973 thành sinh năm 1971; bà N từ sinh năm 1975 thành sinh năm 1973 để đủ tuổi kết hôn, đồng thời việc kiểm tra giấy tờ tùy thân thời điểm đó chưa chặt chẽ, không kỹ lưỡng mà vẫn tin tưởng vào lời khai của bà N, ông C để đăng ký kết hôn, sau đó cán bộ chuyên môn phụ trách tư pháp hộ tịch trình Chủ tịch UBND xã ký xác nhận nên UBND xã đã đăng ký kết hôn cho ông bà vào ngày 10/12/1991 và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện bà Vũ Thị N, sinh năm 1973 và ông Triệu Văn C, sinh năm 1971. Ông Hoàng Phong Nhã xác định việc ghi nhầm họ tên của bà N là "Vũ Thị N" do ông sơ suất nên viết nhầm họ từ "Bùi Thị N" thành "Vũ Thị N".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng áp dụng:

khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Triệu Văn C, sinh ngày 06/9/1973 và bà Bùi Thị N, sinh ngày 03/7/1975 tại thời điểm ông C, bà N đủ điều kiện kết hôn là ngày 06/9/1993.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí theo quy định.

Ông Triệu Văn C, bà Bùi Thị N phải chịu 300.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N hiện cư trú tại thôn Tân Kỳ, xã Tân Trường; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường. UBND xã Tân Trường có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với ông bà, đồng thời ông C bà N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã Tân Trường; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông C, bà N vắng mặt và đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự; căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu: Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân mang tên Triệu Văn C; Giấy khai sinh mang tên Triệu Văn C; Căn cước công dân mang tên Bùi Thị N; Sổ hộ khẩu gia đình; Xác nhận thông tin về cư trú; Sổ bảo hiểm xã hội và một số giấy tờ tùy thân khác của ông bà, xác định ông Triệu Văn C, sinh ngày 06/9/1973, bà Bùi Thị N, sinh ngày 03/7/1975, thời điểm kết hôn ngày 10/12/1991 giữa ông C, bà N thì ông C, bà N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: "*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*". Vì ông C, bà N chưa đủ tuổi kết hôn nên ông bà đều thừa nhận đã tự khai tăng tuổi của mình để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn, xuất phát từ nguyện vọng kết duyên vợ chồng về chung một nhà xây dựng tổ ấm. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ UBND xã đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông C, bà N và viết nhầm họ tên của bà N từ họ "Bùi Thị N" thành "Vũ Thị Nhài" thể hiện tại quyển số 01, số thứ tự 84 ngày 10/12/1991 thể hiện bà Vũ Thị N, sinh năm 1973 và ông Triệu Văn C, sinh năm 1971 đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy, UBND xã Tân Trường yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông C, bà N chung sống hạnh phúc và sinh được ba con chung là Triệu Thị Nguyệt, sinh ngày 06/01/1993; Triệu Thị Hồng Ngát, sinh ngày 04/02/1998 và Triệu Thị Huế, sinh ngày 24/6/2005. Quá trình chung sống ông bà không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần thiết hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N kể từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn là ngày 06/9/1993.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 10; Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N.

- Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị N, sinh ngày 03/7/1975 và ông Triệu Văn C, sinh ngày 06/9/1973; ĐKKH và nơi cư trú: Thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh HD kể từ thời điểm ông C, bà N đủ điều kiện kết hôn là **ngày 06/9/1993.**

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0007407 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: UBND xã Tân Trường; ông Triệu Văn C và bà Bùi Thị N có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Người yêu cầu giải quyết VDS;
- Người có QLVN liên quan đến GQVDS;
- UBND xã Tân Trường;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Vân Hà**